

Số: 403 /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chung năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 183/TTr-KTHT ngày 11/10/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi quy hoạch là toàn bộ ranh giới hành chính của xã An Bình, thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Ranh giới tiếp giáp xung quanh như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Thái Bình và Thị trấn Châu Thành

+ Phía Nam giáp Sông Vàm Cỏ Đông và xã Ninh Điền.

+ Phía Đông giáp xã Thanh Điền.

+ Phía Tây giáp xã Trí Bình.

- Quy mô lập quy hoạch: 2184,24 ha

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nông thôn của Quốc gia và của tỉnh Tây Ninh trên địa bàn xã An Bình.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành và xã An Bình phù hợp với các định hướng đã đề ra của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và xã nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian toàn xã, phân vùng phát triển kinh tế, hệ thống các điểm dân cư nông thôn, dân cư đô thị, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và giải pháp quy hoạch cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của xã trong mối quan hệ với huyện, tỉnh và các khu vực tiếp giáp xung quanh.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch chi tiết xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã An Bình.

3. Tiềm năng, động lực phát triển

- Có vị trí rất thuận lợi: Phía bắc nằm gần thị trấn huyện lỵ của huyện, đây là vùng động lực phát triển thương mại, dịch vụ của huyện Châu Thành cũng như của tỉnh Tây Ninh. Bên cạnh đó, phía đông giáp với trung tâm xã Thanh Điền và các cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp của xã Thanh Điền là những động lực lớn góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và thu hút vốn đầu tư theo lĩnh vực đa ngành nghề.

- Khí hậu, môi trường, tài nguyên đất đai ưu đãi thích hợp phát triển nông nghiệp như trồng lúa, cây ăn quả lâu năm, và phát triển ổn định vùng nguyên liệu góp phần làm tăng giá trị sản lượng nông nghiệp là một yếu tố quan trọng cho quá trình phát triển bền vững.

- QL.22B đi qua địa bàn tỉnh Tây Ninh theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, từ cửa khẩu Xa Mát qua trung tâm thị trấn Tân Biên. Đoạn đi qua xã An Bình giáp ranh với trung tâm xã Thanh Điền là một trong những yếu tố tạo động lực phát triển của xã.

4. Tính chất chức năng

- Là xã nằm trong vùng động lực phát triển của huyện Châu Thành, có điều kiện phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và sản xuất.

- Xã An Bình có tính chất là xã nông nghiệp kết hợp sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ, có không gian phát triển gắn với thị trấn Châu Thành.

5. Thời hạn, tỷ lệ lập quy hoạch

- Thời hạn quy hoạch: quy hoạch đến năm 2035.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã tỷ lệ 1/5.000.

6. Dự báo quy mô dân số

- Dự kiến quy mô dân số các giai đoạn như sau:

- + Giai đoạn đến năm 2030: khoảng 7.000 người.

- + Giai đoạn đến năm 2035: khoảng 8.000 người

7. Định hướng tổ chức không gian xã

7.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, các khu dân cư

7.1.1. Tổ chức mạng lưới các khu dân cư

- Căn cứ theo sự phát triển và phân bố dân cư, đề xuất tổ chức không gian xã An Bình thành 3 khu vực như sau:

a. Khu dân cư số 1 (trung tâm xã)

- Phạm vi ranh giới: Nằm vị trí trung tâm xã, là khu dân cư trung tâm thuộc ấp Thanh Bình;

- Tính chất: Là điểm dân cư nông thôn có mật độ cao, kết hợp thương mại dịch vụ và sản xuất nông nghiệp;

- Không gian: phát triển dọc trục đường ĐH.09

- Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2035, dân số vào khoảng 3.500 người

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn và nhà liền kề.

- Nhà ở bố trí trong khu dân cư, dọc các trục giao thông chính, tránh việc mở rộng tràn lan thiếu kiểm soát, vừa tránh ảnh hưởng đến đời sống người dân, vừa kiểm soát, quản lý được phát triển xã theo đúng định hướng đã đưa ra của xã, đồng thời bảo vệ được cảnh quan tự nhiên của các khu vực chưa có dân cư.

- Dân cư phân bố rải rác, nhở lẻ ở các khu vực không thuộc khu dân cư tập trung vẫn có chức năng là đất ở hiện hữu, nhưng không mở rộng thêm để tránh phát triển tràn lan và không kiểm soát, gây khó khăn cho việc quản lý cũng như ảnh hưởng tới phát triển không gian toàn xã trong tương lai. Đồng thời, việc phân bố dân cư theo tuyến sẽ gây khó khăn bố trí hệ thống hạ tầng xã hội cơ bản (cơ sở giáo dục các cấp, y tế, thương mại dịch vụ,...) do đó, định hướng trong giai đoạn sắp tới sẽ hướng tới các khu dân cư tập trung để đảm bảo kinh phục vụ của hệ thống hạ tầng xã hội.

- Khuyến khích xây dựng dạng nhà vườn và nhà liên kế 2 - 3 tầng trên trục các trục đường chính thúc đẩy phát triển thương mại đồng thời tạo sự khang trang, hiện đại cho các tuyến đường chính của xã.

b. Khu dân cư số 2

- Vị trí: Nằm về phía Bắc trung tâm xã, là Khu dân cư thuộc ấp Thanh An;

- Quy mô dân số: 1.200 người;

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp với sản xuất nông nghiệp;

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn

c. Khu dân cư số 3

- Vị trí: Nằm về phía Đông Bắc trung tâm xã, là khu dân cư thuộc ấp An Điền;

- Quy mô dân số: 1.200 người;

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp với sản xuất nông nghiệp;

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn.

d. Khu dân cư số 4

- Vị trí: Nằm về phía Đông Nam trung tâm xã, là điểm dân cư thuộc ấp An Hòa;

- Quy mô dân số: 1.100 người;

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp với sản xuất nông nghiệp;

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn

e. Dân cư sống phân tán

- Vị trí: Phân bố phân tán trong đất sản xuất nông nghiệp và dọc các tuyến đường hiện hữu của xã, được tính toán sử dụng các công trình công cộng bố trí ở điểm dân cư tập trung gần nhất.

- Quy mô dân số: 1.000 người;

- Tính chất: dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp với sản xuất nông nghiệp;

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn.

7.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình dịch vụ công cộng

7.2.1. Trung tâm hành chính xã

- Quy hoạch khu trung tâm xã An Bình tại khu vực trung tâm của xã trước đây, cải tạo và xây dựng một số công trình đã xuống cấp.

Trong đó:

- Trụ sở UBND xã hiện hữu nằm trên Đường huyện 9 thuộc ấp Thanh Bình, hiện đã được xây dựng khang trang, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu phụ vụ người dân trong xã.

- Công trình Y tế: Trạm y tế xã nằm trên Đường huyện 9 đoạn gần UBND Xã

- Công trình Văn hóa thể thao: Trung tâm văn hóa thể thao học tập cộng đồng được bố trí đối diện UBND xã, là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền của người dân. Cần có kế hoạch xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu giao lưu văn hóa cho cư dân. Bên cạnh đó cần đầu tư xây dựng sân vận động và một số sân thể thao nhằm phục vụ các hoạt động thể thao của người dân.

7.2.2. Các trung tâm công cộng, dịch vụ thương mại

Từng bước có kế hoạch mở rộng diện tích, cải tạo, nâng cấp trang thiết bị các trụ sở ấp tại các ấp trong xã, tạo lập không gian sinh hoạt cộng đồng cho người dân của các điểm dân cư.

Công trình Thương mại dịch vụ:

+ Bố trí chợ nhà lồng với quy mô 0,30ha tại khu vực trung tâm xã tiếp cận thuận lợi từ đường huyện 9.

+ Ngoài ra, các hoạt động thương mại dịch vụ của xã phần lớn tập trung dọc hai bên trục ĐH.9 chủ yếu dưới hình thức kinh doanh hộ gia đình.

7.2.3. Công trình Giáo dục

- Trường trung học cơ sở: trường THCS An Bình nằm tại khu trung tâm xã, thuộc ấp Thanh Bình. Cơ sở vật chất khá khang trang, hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân, đạt chuẩn quốc gia cấp độ I năm 2021. Định hướng đến năm 2030 mở rộng quy mô trường lên 0,43 ha.

- Trường Tiểu học: có 02 trường bao gồm trường tiểu học Thanh An, trường tiểu học Đỗ Tất Nghiên. Cơ sở vật chất tạm thời đáp ứng nhu cầu học tập trước mắt của các cháu. Định hướng đến năm 2030 nâng cấp, mở rộng diện tích, đầu tư trang thiết bị để đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học Đỗ Tất Nghiên lên 1,50ha và trường tiểu học Thanh An lên 1,50ha nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

- Trường Mẫu giáo: trường mẫu giáo An Bình nằm tại khu trung tâm xã, giáp trường THCS An Bình với cơ sở vật chất khang trang với quy mô 0,47ha đáp ứng nhu cầu của người dân trong phạm vi trung tâm xã. Ngoài ra, định hướng đầu tư xây dựng thêm 03 trường mẫu giáo tại điểm dân cư số 2, điểm dân cư số 3 và điểm dân cư số 4 với quy mô 1,00ha mỗi trường nhằm đảm bảo bùn kính phục vụ và đáp ứng tốt nhu cầu học tập của các cháu.

7.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

Đặc thù của An Bình là một xã nông nghiệp, trong hướng tới sẽ tăng thêm tỷ trọng sản xuất tiêu thụ công nghiệp, kêu gọi đầu tư, phát triển thương mại dịch vụ ngày được phát triển. Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa có chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, ưu tiên các ngành hàng nông sản có quy mô sản xuất lớn có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ mạnh và lựa chọn sản phẩm.

Cần có giải pháp đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải gắn với quy hoạch và quản lý đất đai từng khu vực, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn đồng bộ.

Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển sản xuất của xã An Bình.

Xã được chia thành 02 vùng sản xuất nông nghiệp chính: khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, màu, mì,...), và khu vực trồng cây lâu năm (cây ăn trái, bạch đàn, cao su,...).

Khu vực sản xuất nông nghiệp: phân bố tập trung phía Bắc và phía Tây Nam xã, dọc theo sông Vàm Cỏ Đông phía Tây xã. Có diện tích khoảng 1.100 ha. Đây là vùng trồng, lúa, mía,.. là vùng chuyên canh ổn định. Trong đó cây lúa là cây chủ lực của xã, vì vậy cần nâng cấp các tuyến đường nội đồng trong vùng này để thuận tiện cho việc vận chuyển sản phẩm nông nghiệp về nơi chế biến cũng như vận chuyển vật tư nông nghiệp đến các khu vực sản xuất.

8. Quy hoạch sử dụng đất

Dự báo diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 2030, 2035 và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất. Theo đó, xã An Bình đến năm 2030 dân số khoảng 7.000 người, đến năm 2035 dân số khoảng 8.000 người. Trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu tại các ấp trên địa bàn xã, định hướng đến năm 2035 sẽ tổ chức cải tạo, chỉnh trang và phát triển 04 điểm dân cư tập trung như sau:

Bảng 1: Các điểm dân cư tập trung của xã An Bình

TT	Hạng mục	Năm 2030		Năm 2035		Ghi chú
		Dân số (người)	Dân số (người)	Diện tích (ha)		
1	Điểm dân cư tập trung số 1	3.000	3.500	36	Cải tạo - mở rộng	
	Trung tâm xã (áp Thanh Bình)					
2	Điểm dân cư tập trung số 2	1.000	1.200	30	Cải tạo - mở rộng	
	(Áp Thanh An)					
3	Điểm dân cư tập trung số 3	1.000	1.200	25	Cải tạo - mở rộng	
	(Áp An Điền)					
4	Điểm dân cư tập trung số 4	1.000	1.100	20	Cải tạo - mở rộng	
	(Áp An Hòa)					
5	Dân cư phân tán	1.000	1.000			
	Tổng cộng	7.000	8.000			

Dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và sự gia tăng dân số của xã theo các giai đoạn, nhu cầu về diện tích đất đai phù hợp với định hướng phát triển của xã đến năm 2035. Giải pháp phân bổ quỹ đất theo chức năng và cơ cấu tổ chức không gian: nhóm nhà ở, các loại công trình công cộng, dịch vụ công cộng, cây xanh công viên, cơ quan hành chính, TTCN... cụ thể cho từng điểm dân cư tập trung.

Bảng 2: Thông kê quy hoạch sử dụng đất xã An Bình đến năm 2035

STT	Giai đoạn	2030		2035	
	Dân số	7.000 - 7.500		7.500 - 8.000	
	Danh mục sử dụng đất	Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích
		m ² /người	(ha)	m ² /người	(ha)
I	Đất xây dựng	491.74	344.22	451.39	361.11
1	Đất ở	126.56	88.59	116.99	93.59
2	Đất công cộng	20.79	14.55	18.19	14.55
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		0.20		0.20
2.2	Đất trạm y tế		0.31		0.31
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng		1.40		1.40
2.4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa		0.89		0.89
2.5	Đất cây xanh - TDTT	6.14	4.30	5.38	4.30
2.6	Đất công trình giáo dục - đào tạo		6.90		6.90
2.6.1	Đất trường THCS		0.43		0.43
2.6.2	Đất trường tiểu học		3.0		3.0
2.6.3	Đất trường mẫu giáo		3.47		3.47
2.7	Đất Bưu chính viễn thông		0.10		0.10
2.8	Chợ		0.30		0.30

2.9	Đất vui chơi giải trí công cộng		0.15		0.15
3	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		80.94		80.94
3.1	Đất TMDV		12.91		12.91
3.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		29.49		29.49
3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản		45.70		45.70
3.4	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm		5.75		5.75
4	Đất tín ngưỡng		0.33		0.33
5	Đất cơ sở tôn giáo		0.65		0.65
6	Đất an ninh quốc phòng		0.20		0.20
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	227.09	158.96	213.56	170.85
7.1	Đất giao thông		91.47		103.36
7.2	Đất thủy lợi		58.83		58.83
7.3	Đất nghĩa trang		7.40		7.40
7.4	Đất công trình năng lượng		0.26		0.26
7.5	Đất xử lý chất thải rắn		1.00		1.00
II	Đất nông nghiệp		1,774.33		1,757.44
1	Đất trồng lúa		1,029.78		1026.19
2	Đất trồng cây hằng năm		96.87		96.87
3	Đất trồng cây lâu lăm		529.54		519.24
4	Đất nuôi trồng thủy sản		55.06		55.06
5	Đất nông nghiệp khác		63.08		60.08
III	Đất khác		65.69		65.69
1	Sông rạch - mặt nước		65.69		65.69
Tổng diện tích tự nhiên			2184.24		2,184.24

9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

9.1.1. Giao thông đối ngoại

a. Quốc lộ:

QL.22B: điểm đầu tại cửa khẩu Xa Mát, chạy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam lần lượt đi qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Châu Thành, trung tâm thị xã Tây Ninh, huyện Hòa Thành và điểm cuối kết nối với QL.22 tại thị trấn Gò Dầu của huyện Gò Dầu. QL.22B, đoạn thuộc địa phận huyện Châu Thành dài 17.3km, đi qua các xã Thái Bình, Đồng Khởi, Thanh Điền, An Bình, điểm đầu tại ranh huyện Hòa Thành, điểm cuối tại ranh huyện Tân Biên. Đoạn đi qua xã An Bình, có mặt cắt 1-1:

- Mặt đường: 15 m
- Lề đường: 3+3 m
- Nền đường : 21 m
- Lộ giới: 65.5 m

- Cấp đường: II
- Kết cấu: Bê tông nhựa

b. Đường huyệ:

Đường huyệ 9: tuyến chạy từ Bắc sang Đông, điểm đầu tại ngã tư Tam Hợp, điểm cuối giao với ĐT.786. Đây là tuyến trực chính kết nối các cụm dân cư xã An Bình, Thái Bình và Thanh Điền.

Đường huyệ 10: là trực dọc chính của xã Thanh Điền và là ranh giới giữa xã An Bình và Thanh Điền. Điểm đầu giao với QL.22B, điểm cuối tại ấp Thanh Hòa xã An Bình.

Các tuyến đường Huyện đi qua xã An Bình, có mặt cắt ngang 2-2:

- Mặt đường: 7 m
- Lề đường: 1+1 m
- Nền đường : 9 m
- Lộ giới: 30 m
- Cấp đường: IV

9.1.2. Giao thông đồi nội

Các tuyến đường trực chính xã, liên ấp có chức năng kết nối các khu dân cư và vùng sản xuất ra đường huyệ. Các tuyến này phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại sinh hoạt hàng ngày của người dân tại các làng, xã, thôn ấp.

Có mặt cắt ngang 3-3:

- Mặt đường: 5.5m
- Lề đường: 0.5+0.5m
- Nền đường: 6.5 m
- Hành lang an toàn: 4+4 m
- Lộ giới: 20 m
- Cấp đường: VI

9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

9.2.1. Quy hoạch san nền

Cao độ quy hoạch bám sát địa hình tự nhiên, tránh khối lượng đào đắp lớn,, biện pháp san nền chủ yếu là san gạt cục bộ cho từng công trình xây dựng.

Điểm dân cư số 1: $Hxd \geq 3.00$ m

Điểm dân cư số 2: $Hxd \geq 4.30$ m

Điểm dân cư số 3: $Hxd \geq 4.30$ m

Điểm dân cư số 4: $Hxd \geq 4.30$ m.

9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Xây dựng hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước được xây dựng bằng mương cso nắp đan B600 –B1000, bố trí dọc theo các tuyến đường trong các điểm dân cư thu nước mưa từ các công trình và mặt đường. Do các kênh chủ yếu là kênh tưới nên nước mưa được dẫn ra ruộng hoặc thoát ra các nhánh rạch nhỏ dẫn ra sông Vàm Cỏ Đông.

Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước tốt không gây ngập úng trên các tuyến đường và được xây dựng đồng bộ với sự phát triển của hệ thống giao thông theo các giai đoạn phát triển các điểm dân cư.

9.2.3. Thủy lợi

Trong khu vực xã có nhiều kênh tưới: kênh thủy lợi 17, kênh thủy lợi 17-2 và một số con kênh thủy lợi khác cấp nước tưới cho vùng sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung, các công trình thủy lợi đã đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên để đảm bảo nhu cầu của người dân trong tương lai, một số định hướng phát triển như sau:

- Kè bê tông và nạo vét tuyến sông Vàm Cỏ Đông để đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa, giao thương, đi lại cũng như phục vụ tưới tiêu cho toàn xã và các khu vực lân cận.
- Cải tạo và nạo vét các tuyến kênh chính trên địa bàn xã. Kiên cố bê tông hóa các tuyến kênh nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu tưới tiêu.
- Thực hiện tốt công tác quản lý kênh mương, thường xuyên nạo vét, sửa chữa các tuyến kênh mương xuống cấp, kiên cố hóa kênh mương, vận hành điều tiết nước tưới.
- Kiên cố hóa các kênh tiêu như huyệt đã phân bố, ngoài ra còn kiên cố hóa các tuyến kênh, chạy qua các điểm dân cư để phục vụ thoát nước cũng như làm đẹp cảnh quan.

9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

Tổng nhu cầu dùng nước:

- Giai đoạn 2030: $Q = 880 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Giai đoạn 2035: $Q = 1.300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Tiêu chuẩn cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 100 - 120 lít/người/ngày, theo từng giai đoạn.

- Xây dựng 1 trạm cấp nước tập trung tại phía Tây của xã, để cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư.

- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước ngầm tại khu vực.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng hệ thống đường ống cấp nước theo các trục đường giao thông chính trong xã, phù hợp với sự phát triển dân cư và đồng bộ với hệ thống hạ tầng, đạt trên 90% dân cư sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho giai đoạn 2030. Đến năm 2035 nâng cấp trạm cấp nước tập trung phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt dân cư toàn xã lên công suất là $1.300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Đối với dân cư rải rác trước mắt sử dụng nguồn nước cục bộ, khi có điều kiện kinh tế thì sẽ đấu nối với nguồn nước chung để đảm bảo 100% dân cư trong xã được cấp nước sạch từ hệ thống mạng lưới.

9.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

9.4.2. Thoát nước thải

Tổng lượng nước thải:

- Giai đoạn 2030: $Q = 600 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

– Giai đoạn 2035: $Q = 850 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

– Lưu lượng nước thải chiếm 80% lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

Lưu lượng nước thải tại các điểm dân cư thấp nên xây dựng hệ thống thu gom chung nước mưa và nước thải. Nước thải tại các công trình sau khi được xử lý tại các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn hoặc các quy chuẩn tương đương xả ra hệ thống mương nắp đan thoát nước mưa chảy dọc theo các tuyến đường.

Các cơ sở sản xuất có nguồn thải tập trung phải xử lý theo tiêu chuẩn và quy định về bảo vệ môi trường.

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa phải có hệ thống xử lý nước thải riêng và xử lý đạt chuẩn.

Với khu vực nhà vườn, nhà ở kết hợp với nông nghiệp có lưu lượng nước thải phát sinh nhỏ trên diện tích lớn, hệ thống thoát nước được chọn là hệ thống chung và kết hợp mô hình VAC.

9.4.3. Quản lý chất thải rắn

– Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng khoảng 06 tấn/ngày, tiêu chuẩn 0,8 kg/người (khu vực nông thôn).

– Chất thải rắn được phân loại tại nguồn nhằm giảm khối lượng thu gom và vận chuyển, bố trí thêm các điểm tập kết CTR tại các khu vực dân cư.

– Chất thải rắn được thu gom vận chuyển đến các bãi rác tập trung, sau đó đưa về khu xử lý chung của huyện Châu Thành.

– Khuyến khích phát triển bãi xử lý chất thải rắn gắn với vườn ươm cây xanh tạo nên vành đai xanh bảo vệ môi trường...

9.4.4. Nghĩa trang nhân dân

– Sử dụng loại hình địa tán 1 lần.

– Tiếp tục sử dụng nghĩa trang xã tại ấp Thanh Bình, diện tích 2,75ha.

– Trong giai đoạn dài hạn, từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về khoảng cách môi trường do gần khu dân cư, đồng thời nâng cấp mở rộng các nghĩa trang tập trung, đáp ứng nhu cầu theo từng giai đoạn.

9.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện

Phụ tải điện xã An Bình – huyện Châu Thành bao gồm các thành phần chính: sinh hoạt dân dụng, công cộng dịch vụ.

Căn cứ theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị 07:2016 và Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD do Bộ Xây Dựng ban hành năm 2021, quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016– 2025 có xét đến năm 2030, chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng, công trình công cộng dịch vụ khu quy hoạch được tính như sau:

a. Sinh hoạt dân dụng

- Chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng là 1.000 kWh/người/năm.

b. Công cộng và dịch vụ

- Chỉ tiêu cấp điện cho công cộng lấy bằng 30% điện sinh hoạt dân dụng.

- Nguồn cấp điện cho xã An Bình là nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến thế 110/22 kV Suối Dộp -2x40MVA qua các tuyến

22kV đi trên các đường chính như Đường huyện 09, đường huyện 10...

9.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Dự kiến nhu cầu Quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam:
 - + Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân.
 - + Tỷ lệ ADSL: 100% hộ dân được sử dụng đường truyền ADSL.

10. Quy định quản lý:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND xã An Bình, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.
2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND xã triển khai thực hiện:
 - Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức thực hiện.
 - Lập kế hoạch kêu gọi đầu tư theo phân đợt đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng: Kinh tế Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã An Bình, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Nhu điều 4;
- UBND tỉnh;
- Các Sở ban ngành có liên quan;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Lưu: VT, PKTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đỗ Thành Trung

